

Name:

Vocabulary + Grammar:

Class: S3...

Listening:

Tel: 034 200 9294

Mini test:

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày..../....



Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày..../....

GLOBAL ENGLISH 3

Unit 5 & 6 - Vocabulary Revision

A. EXTRA VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	grown-up (n/adj)	người lớn, trưởng thành	4	(be) made of (phr.v)	được làm từ thứ gì
2	motorway (n)	đường cao tốc	5	prefer (v)	thích hơn, ưu tiên hơn
3	skyscraper (n)	toà nhà chọc trời			

* Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ; v = verb: động từ.

* Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi

B. HOMEWORK

I. Reorder the letters (Sắp xếp lại các chữ cái)

	0 l-s-y-i-l <u>silly</u>		1 t-i-o-i-n-v-n-e-n		2 t-h-f-e-a-e-r
	3 p-a-p-o-t-r-h-o-g-h		4 r-o-r-d-i-e-c-t		5 d-u-l-t-f-i-c-i-f

II. Choose a suitable word to complete each sentence (Chọn từ phù hợp để hoàn thành mỗi câu)

0. Scientists use DNA / direction to identify genetic traits.

1. This book is boring / interesting. I like reading it.

2. After the heavy rain, the children played in the **inventor** / mud and made their clothes dirty.
3. The bird built a(n) **nest** / **invention** in the tree outside my window.
4. "Twenty twenty-five / two zero two five" is how you read 2025.
5. She loves to **collect** / **balance** stamps from different countries.

III. With each word, complete a sentence with your own ideas

(Với mỗi từ, con hãy đặt câu với ý tưởng của con)

0. **boring** (adj) → This book is interesting, but that book is boring.

1. **wing** (n) → The bird can fly because _____.

2. **person** (n) → She always gives everyone food because _____.

3. **difficult** (adj) → I can't do my homework because _____.

4. 2025 → Last year was 2024. This _____.

5. **create** (v) → I am an artist, and _____.

IV. Choose and correct the error in each sentence (Chọn và sửa lỗi sai trong mỗi câu)

0. She bought big two red apples from the market.

→ two big

A. big two B. apples C. the

1. I saw her and he at the party last night.

→ _____

A. saw B. he C. last

2. Could you please give they the books?

→ _____

A. you B. they C. books

3. He bought I two big black bags yesterday.

→ _____

A. I B. big black C. yesterday

4. He has four black large suitcases for his trip.

→ _____

A. He B. four C. black large

5. There are little three pink flowers in the vase.

→ _____

A. little three B. flowers C. vase

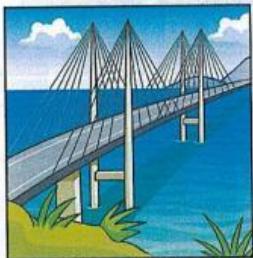
CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Các con nghe bài ở link này: <https://soundcloud.com/ms-chi-english/09-cup-a2-flyers-03-cd-01-test>

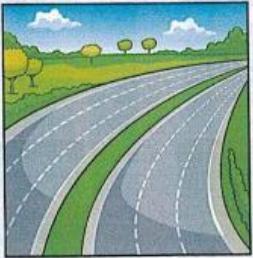
PART 4

Listen and (✓) the box. There is one example.

0. What does Mrs. Silver design in her job?



A

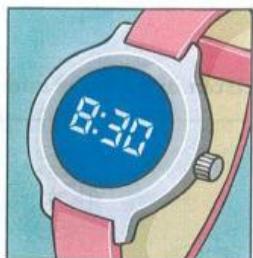


B

3. What time does Mrs. Silver start work?



A



B

1. What was Mrs. Silver's favourite subject at school?



A

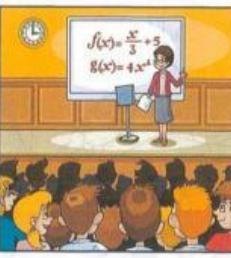


B

4. What is Mrs. Silver going to do tomorrow?



A

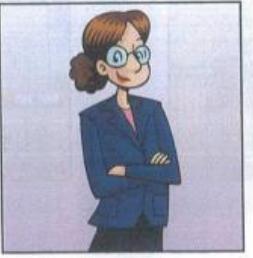


B

2. Who else in Mrs. Silver's family works as an engineer?

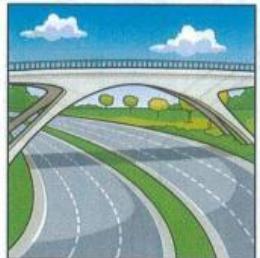


A

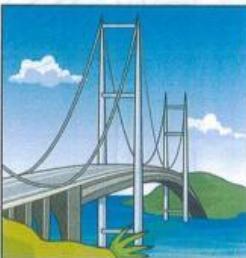


B

5. Which bridge is Mrs. Silver working on now?



A



B